TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 456/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 6 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phương Hồ;

2. Bà Hà Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim An - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Không có.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 155/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 200/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nguyệt H, sinh ngày 29/7/2003; căn cước công dân do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/12/2021;

Nơi đăng ký thường trú: Số A đường N, Ấp I, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Nam T, sinh ngày 14/8/2002; căn cước công dân do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/12/2021;

Nơi đăng ký thường trú: Số E đường N, Ấp A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 30/12/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Nguyệt H trình bày:

Bà và ông Trần Nam T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2024 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân xã

P, Thành phố Hồ Chí Minh). Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông T còn đánh bà và không chăm lo cho con chung. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng và không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Nam T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 (một) con chung tên Trần Quế T1, sinh ngày 09/01/2025. Bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà H xác định không có.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông Trần Nam T thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Nguyệt H giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Nam T. Về con chung: Bà H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung tên Trần Quế T1, sinh ngày 09/01/2025, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà H xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị Nguyệt H yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Nam T; bà và ông T có 01 (một) con chung tên Trần Quế T1, sinh ngày 09/01/2025. Bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là ông Trần Nam T cư trú tại Số E đường N, Ấp A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn là ông Trần Nam T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Nguyệt H và ông Trần Nam T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 214 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành

phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân xã P, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 22/11/2024. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà H, bà và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2024. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông T còn đánh bà và không chăm lo cho con chung. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng và không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Nam T.

Ông Trần Nam T không đến Tòa án theo giấy triệu tập để cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho thấy ông T không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu, chứng cứ do bà H cung cấp để giải quyết vụ án. Xét tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông T là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Nguyệt H và ông Trần Nam T có 01 (một) con chung tên Trần Quế T1, sinh ngày 09/01/2025. Bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông T không đến Tòa cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con chung. Xét trẻ Trần Quế T1 còn nhỏ, hiện đang do bà H chăm sóc nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Trần Quế T1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của bà H, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Nếu sau này bà H có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Bà H xác định không có.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà H xác định không có.

Ông Trần Nam T vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, nếu ông T có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà Nguyễn Thị Nguyệt H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Nguyệt H về việc cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Nguyệt H và ông Trần Nam T.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 214 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân xã P, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 22/11/2024 cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H và ông Trần Nam T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Nguyệt H và ông Trần Nam T có 01 (một) con chung tên Trần Quế T1, sinh ngày 09/01/2025.

Giao con chung tên Trần Quế T1 cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Nguyệt H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0003790 ngày 13/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân xã P, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA